

Số: 02/QĐ-UBND

Ba Đình, ngày 03 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế làm việc
của Ủy ban nhân dân phường Ba Đình nhiệm kỳ 2021- 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BA ĐÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2019 ngày 24/4/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 77/2006/QĐ-TTg ngày 13/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành "Quy chế làm việc mẫu của UBND xã, phường, thị trấn";

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ về việc quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 về việc quy định số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Biên bản Hội nghị giao ban Ủy ban nhân dân phường Ba Đình ngày 02/01/2025;

Theo đề nghị của Công chức Văn phòng- Thống kê UBND phường Ba Đình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân phường Ba Đình, nhiệm kỳ 2021- 2026.

(có Quy chế kèm theo).

Điều 2. Tập thể Ủy viên UBND, công chức chuyên môn, người hoạt động không chuyên trách và các trưởng khu phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Phường, nhiệm kỳ 2021- 2026 đã được UBND phường Ba Đình ký ban hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 02/10/2021 của UBND phường ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân phường Ba Đình, nhiệm kỳ 2021- 2026.

Công chức Văn phòng- Thống kê, các ban ngành có liên quan, cán bộ, công chức và trưởng các khu phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- UBND thị xã(B/c);
- T.Tr ĐU, HĐND Phường;
- UBND, MTTQ, các đoàn thể;
- Các khu phố trên địa bàn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Hùng

QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BA ĐÌNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2025)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, chế độ trách nhiệm, lề lối làm việc, quan hệ công tác và trình tự giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân phường Ba Đình (sau đây viết tắt là UBND Phường).

2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên UBND; công chức chuyên môn và người hoạt động không chuyên trách; Trưởng khu phố chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc làm việc của UBND Phường

1. UBND Phường làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm phát huy vai trò lãnh đạo của tập thể UBND Phường; đồng thời, đề cao trách nhiệm cá nhân và tinh thần chủ động, sáng tạo của Chủ tịch, Phó chủ tịch, các Ủy viên UBND. Mỗi việc chỉ được giao một người phụ trách và chịu trách nhiệm chính. Mỗi thành viên UBND chịu trách nhiệm cá nhân về lĩnh vực được phân công.

2. Chấp hành sự chỉ đạo, điều hành của cơ quan Nhà nước cấp trên, sự lãnh đạo của Đảng ủy, sự giám sát của HĐND Phường; phối hợp chặt chẽ giữa UBND Phường với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cùng cấp trong quá trình triển khai thực hiện mọi nhiệm vụ.

3. Giải quyết các công việc của công dân và tổ chức theo đúng pháp luật, đúng thẩm quyền và phạm vi trách nhiệm; đảm bảo công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả; theo đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định và chương trình, kế hoạch công tác của UBND Phường.

4. Đề cao sự phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc, bảo đảm dân chủ, minh bạch trong mọi hoạt động theo đúng phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

5. Phát huy được năng lực, tính chủ động, sáng tạo của cán bộ, công chức trong việc tham mưu thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; bảo đảm dân chủ, rõ ràng, minh bạch và hiệu quả trong mọi hoạt động.

Chương II
TRÁCH NHIỆM, PHẠM VI GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

Điều 3. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của UBND Phường

1. UBND phường giải quyết công việc theo nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 và sửa đổi, bổ sung năm 2019. UBND phường thảo luận tập thể và quyết định theo đa số các vấn đề được quy định tại Điều 35 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 và

những vấn đề quan trọng khác mà pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã, phường.

2. Cách thức giải quyết công việc của UBND phường

a) Thảo luận tập thể và quyết định từng vấn đề tại phiên họp UBND phường thường kỳ hoặc bất thường.

b) Đối với một số vấn đề không nhất thiết phải tổ chức thảo luận tại phiên họp UBND phường hoặc vấn đề cần quyết định gấp nhưng không có điều kiện tổ chức họp UBND phường, theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND phường Văn phòng - Thống kê phường (sau đây gọi chung là Văn phòng) gửi toàn bộ hồ sơ về vấn đề đó và phiếu lấy ý kiến đến từng thành viên UBND phường để xin ý kiến. Nếu quá nửa số thành viên UBND phường nhất trí, thì cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn chỉnh văn bản, Văn phòng - Thống kê phường thẩm tra, trình Chủ tịch UBND phường quyết định và báo cáo kết quả với UBND phường tại phiên họp gần nhất. Nếu quá nửa số thành viên UBND phường không nhất trí thì Văn phòng báo cáo Chủ tịch UBND phường quyết định đưa vấn đề ra UBND phường thảo luận tại phiên họp gần nhất.

c) Các quyết định của tập thể UBND phường được thông qua khi có quá nửa số thành viên UBND phường đồng ý. Khi biểu quyết tại phiên họp hoặc khi dùng Phiếu lấy ý kiến, nếu số phiếu đồng ý và không đồng ý bằng nhau thì quyết định theo ý kiến mà Chủ tịch UBND phường đã biểu quyết. Các thành viên UBND phường được thảo luận dân chủ và có quyền bảo lưu ý kiến nhưng phải thực hiện theo quyết định của UBND phường.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi trách nhiệm của Chủ tịch UBND phường

1. Nhiệm vụ quyền hạn

a) Lãnh đạo và điều hành công việc của UBND, các thành viên UBND phường;

b) Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, của HĐND và UBND phường; thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác, phòng, chống quan liêu, tham nhũng; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân; thực hiện các biện pháp quản lý dân cư trên địa bàn phường theo quy định của pháp luật;

c) Quản lý và tổ chức sử dụng có hiệu quả công sở, tài sản, phương tiện làm việc và ngân sách nhà nước được giao theo quy định của pháp luật;

d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật, tiếp công dân theo quy định của pháp luật;

đ) Ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong phạm vi thẩm quyền của Chủ tịch UBND;

e) Chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; áp dụng các biện pháp để giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn phường theo quy định của pháp luật;

f) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp, ủy quyền.

2. Phạm vi, trách nhiệm giải quyết công việc của Chủ tịch UBND

a) Lãnh đạo và điều hành công việc của UBND, các thành viên UBND cấp phường;

b) Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, của HĐND và UBND cấp phường; thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác; phòng, chống quan liêu, tham nhũng; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân; thực hiện các biện pháp quản lý dân cư trên địa bàn cấp phường theo quy định của pháp luật;

c) Quản lý và tổ chức sử dụng có hiệu quả công sở, tài sản, phương tiện làm việc và ngân sách nhà nước được giao theo quy định của pháp luật;

d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật, tiếp công dân theo quy định của pháp luật;

đ) Ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND cấp phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong phạm vi thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp phường;

e) Chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; áp dụng các biện pháp để giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã theo quy định của pháp luật;

g) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp, ủy quyền;

h) Các nhiệm vụ khác theo quy định của Đảng, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, của pháp luật có liên quan và cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ.

Điều 5. Phạm vi, trách nhiệm giải quyết công việc của Phó Chủ tịch UBND

1. Phó Chủ tịch UBND phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 122 của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015, nhiệm vụ, quyền hạn do Chủ tịch UBND xã phân công và phải chịu trách nhiệm cá nhân về công tác của mình trước pháp luật, trước HĐND phường, UBND phường và Chủ tịch UBND phường; đồng thời, cùng các thành viên khác của Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của UBND phường trước HĐND phường và trước Chủ tịch UBND thị xã.

2. Phó Chủ tịch UBND phường được Chủ tịch UBND phường phân công thay mặt Chủ tịch UBND phường giải quyết công việc theo các nguyên tắc sau:

a) Phó Chủ tịch UBND phường được Chủ tịch UBND phường phân công chỉ đạo một số lĩnh vực công tác và theo dõi hoạt động của một số lĩnh vực chuyên môn thuộc UBND phường.

b) Trong phạm vi lĩnh vực công việc được giao, Phó Chủ tịch UBND phường được sử dụng quyền hạn của Chủ tịch UBND phường, thay mặt Chủ tịch UBND phường khi giải quyết công việc, chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch UBND phường về những quyết định của mình.

c) Phó Chủ tịch UBND phường có trách nhiệm giải quyết công việc được phân công; Đối với vấn đề cần có ý kiến của Chủ tịch UBND phường thì Phó Chủ tịch đang chủ trì xử lý công việc đó báo cáo Chủ tịch UBND phường quyết định.

3. Trong phạm vi công việc được phân công, Phó Chủ tịch UBND phường có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Trực tiếp chỉ đạo các lĩnh vực và địa bàn công tác do Chủ tịch UBND cấp phường phân công; chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai công việc theo lĩnh vực, địa bàn; được sử dụng quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp phường khi giải quyết các công việc và ký các văn bản khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp phường ủy quyền.

b) Chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch UBND cấp phường về lĩnh vực công tác được giao và về những quyết định chỉ đạo, điều hành của mình; cùng Chủ tịch UBND cấp phường và các Ủy viên UBND cấp phường chịu trách nhiệm tập thể về toàn bộ hoạt động của UBND cấp phường trước Đảng ủy, HĐND cấp phường và UBND, Chủ tịch UBND cấp trên. Đối với những vấn đề vượt quá phạm vi thẩm quyền thì Phó Chủ tịch UBND cấp phường phải báo cáo Chủ tịch UBND cấp phường xem xét, quyết định.

c) Khi giải quyết công việc, nếu có vấn đề liên quan đến phạm vi và trách nhiệm giải quyết công việc của Phó Chủ tịch UBND khác thì chủ động trao đổi, phối hợp để thống nhất cách giải quyết; nếu vẫn còn ý kiến khác nhau thì báo cáo Chủ tịch UBND cấp phường xem xét, quyết định.

d) Các nhiệm vụ khác theo quy định của Đảng, của pháp luật có liên quan, của cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ và theo phân công của Chủ tịch UBND cấp phường.

Hàng tuần, Phó Chủ tịch UBND phường tổng hợp tình hình công việc mình phụ trách báo cáo Chủ tịch UBND phường tại cuộc họp giao ban của Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND phường. Trong chỉ đạo điều hành, nếu có vấn đề liên quan hoặc phát sinh ngoài kế hoạch, những vấn đề chưa được quy định, Phó Chủ tịch UBND phường chủ động đề xuất Chủ tịch UBND phường quyết định.

Điều 6. Phạm vi, trách nhiệm giải quyết công việc của Ủy viên UBND

1. Được Chủ tịch UBND phân công phụ trách lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước UBND, Chủ tịch UBND về việc thực hiện nhiệm vụ được giao; cùng các thành viên khác của UBND chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của UBND; báo cáo công tác trước HĐND khi được yêu cầu.

Ủy viên UBND là người đứng đầu bộ phận chuyên môn thuộc UBND chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước cơ quan quản lý nhà nước cấp trên về ngành, lĩnh vực.

2. Tham dự đầy đủ các phiên họp UBND; thảo luận và biểu quyết những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của UBND.

Điều 7. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của công chức phường

Ngoài việc thực hiện các quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, công chức phường còn có trách nhiệm:

1. Giúp UBND và Chủ tịch UBND thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở phường, bảo đảm sự thống nhất quản lý theo lĩnh vực chuyên môn; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND phường và cơ quan chuyên môn cấp thị xã về lĩnh vực được phân công.

2. Nêu cao tinh thần trách nhiệm, chủ động giải quyết công việc được giao, sâu sát công việc, tận tụy phục vụ nhân dân, không gây khó khăn, phiền hà với nhân dân. Nếu vấn đề giải quyết vượt quá thẩm quyền, phải kịp thời báo cáo Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách để xin ý kiến.

3. Tuân thủ quy chế làm việc của UBND phường, chấp hành sự phân công công tác của Chủ tịch UBND; giải quyết kịp thời công việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, không để tồn đọng, ùn tắc; chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và nội quy cơ quan.

4. Không chuyển công việc thuộc phạm vi trách nhiệm cá nhân lên Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc tự ý chuyển cho cán bộ, công chức khác; không tự ý giải quyết các công việc thuộc trách nhiệm của cán bộ, công chức khác; trong trường hợp nội dung công việc có liên quan đến cán bộ, công chức khác thì phải chủ động phối hợp và kịp thời báo cáo Chủ tịch, Phó Chủ tịch xử lý.

5. Chịu trách nhiệm bảo quản, giữ gìn hồ sơ tài liệu, dữ liệu liên quan đến công tác chuyên môn; tổ chức sắp xếp, lưu trữ tài liệu có hệ thống phục vụ cho công tác lâu dài của UBND phường; thực hiện chế độ báo cáo bảo đảm kịp thời, chính xác tình hình về lĩnh vực công việc mình phụ trách theo quy định của Chủ tịch UBND phường.

Điều 8. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của người hoạt động không chuyên trách phường, khu phố

1. Người hoạt động không chuyên trách phường: Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân và Chủ tịch UBND phường về nhiệm vụ chuyên môn được Chủ tịch phân công, thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều 6 Quy chế này.

2. Trưởng khu phố chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND phường về mọi mặt hoạt động của khu phố; tổ chức thực hiện mọi nhiệm vụ công tác trên địa bàn; thường xuyên báo cáo tình hình công việc với Chủ tịch, Phó Chủ tịch phụ trách; đề xuất giải quyết kịp thời những kiến nghị của công dân, tổ chức.

Chương III QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN

Điều 9. Mối quan hệ công tác với Ủy ban nhân dân thị xã và cơ quan chuyên môn thị xã

1. UBND phường và Chủ tịch UBND phường chịu sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thị xã, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước UBND thị xã.

Trong chỉ đạo điều hành, khi gặp những vấn đề vượt quá thẩm quyền hoặc chưa được pháp luật quy định, UBND phường phải báo cáo kịp thời để xin ý kiến chỉ đạo của UBND thị xã; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tình hình với UBND thị xã và cơ quan chuyên môn cấp thị xã theo quy định hiện hành về chế độ thông tin báo cáo.

2. UBND phường chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn cấp thị xã trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trên địa bàn phường; có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp thị xã trong đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức phường, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức phường.

UBND phường bố trí cán bộ, công chức đủ năng lực đáp ứng yêu cầu theo dõi các lĩnh vực công tác theo hướng dẫn nghiệp vụ của cấp trên, giữ mối liên hệ chặt chẽ với cơ quan chuyên môn cấp thị xã, tuân thủ sự chỉ đạo thống nhất của cơ quan chuyên môn cấp trên.

Điều 10. Mối quan hệ công tác với Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể Chính trị - xã hội trong phường

1. Mối quan hệ công tác với Đảng ủy phường

a) UBND phường chịu sự lãnh đạo của Đảng ủy phường trong việc thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của cơ quan nhà nước cấp trên.

b) UBND phường chủ động đề xuất với Đảng ủy phường hướng, nhiệm vụ cụ thể về phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội, nâng cao đời sống nhân dân và những vấn đề quan trọng khác ở địa phương; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để giới thiệu với Đảng ủy những cán bộ, đảng viên có phẩm chất, năng lực đảm nhiệm các chức vụ công tác chính quyền.

2. Mối quan hệ công tác với Hội đồng nhân dân phường

a) UBND phường chịu sự giám sát của HĐND phường; chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghị quyết của HĐND, báo cáo trước HĐND phường; phối hợp với Thường trực HĐND chuẩn bị nội dung các kỳ họp của HĐND phường, xây dựng các đề án trình HĐND phường xem xét, quyết định; cung cấp thông tin về hoạt động của UBND phường, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của đại biểu HĐND phường.

b) Các thành viên UBND phường, công chức chuyên môn có trách nhiệm trả lời các chất vấn của đại biểu HĐND; khi được yêu cầu, phải báo cáo giải trình về những vấn đề có liên quan đến công việc do mình phụ trách.

c) Chủ tịch UBND phường thường xuyên trao đổi, làm việc với Thường trực HĐND phường để nắm tình hình, thu thập ý kiến của cử tri; cùng Thường trực HĐND phường giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

3. Mối quan hệ công tác giữa UBND phường với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức Đoàn thể chính trị - xã hội trong phường

a) UBND phường tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội động viên Nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của UBND phường.

b) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương được mời tham dự các phiên họp UBND cùng cấp khi bàn về các vấn đề có liên quan.

c) UBND phường thực hiện chế độ thông báo tình hình của địa phương cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

d) UBND phường có trách nhiệm lắng nghe, giải quyết và trả lời các kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội về xây dựng chính quyền và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

4. Phối hợp giữa Ủy ban nhân dân với Thanh tra nhân dân

Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm:

1. Thông báo kịp thời cho Ban Thanh tra nhân dân những chính sách, pháp luật liên quan đến tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ của UBND phường; các mục tiêu và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương.

2. Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban Thanh tra nhân dân.

3. Xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân; xử lý nghiêm minh người có hành vi cản trở hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân hoặc người có hành vi trả thù, trù dập thành viên Ban Thanh tra nhân dân.

4. Thông báo cho Ban Thanh tra nhân dân kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; hỗ trợ kinh phí, phương tiện để Ban Thanh tra nhân dân hoạt động có hiệu quả theo quy định của pháp luật.

5. Quan hệ giữa Ủy ban nhân dân phường với Trưởng khu phố

1. Chủ tịch UBND phường phân công các thành viên UBND phụ trách, chỉ đạo, nắm tình hình các khu phố. Hằng tháng, các thành viên Ủy ban nhân dân làm việc với Trưởng khu phố thuộc địa bàn được phân công phụ trách hoặc trực tiếp làm việc với thôn để nghe phản ánh tình hình, kiến nghị và giải quyết các khiếu nại của nhân dân theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng khu phố phải thường xuyên liên hệ với UBND phường để tổ chức quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các văn bản chỉ đạo điều hành của UBND phường và các chỉ đạo của cơ quan cấp trên để triển khai thực hiện; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

Trưởng khu phố kịp thời báo cáo UBND và Chủ UBND phường tình hình mọi mặt của thôn để xuất biện pháp giải quyết khi cần thiết, góp phần giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn.

Chương IV

CHẾ ĐỘ HỘI HỢP, GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

Điều 11. Phiên họp Ủy ban nhân dân

- Lãnh đạo UBND họp thường kỳ mỗi tuần 1 lần vào thứ 2 hằng tuần, UBND họp mỗi tháng một lần vào ngày thứ 2 tuần cuối của tháng.

- UBND họp bất thường trong các trường hợp sau đây:

a) Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định;

b) Theo yêu cầu của Chủ tịch UBND cấp trên trực tiếp;

c) Theo yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số thành viên UBND.

Điều 12. Triệu tập phiên họp Ủy ban nhân dân

1. Chủ tịch UBND quyết định cụ thể ngày họp, chương trình, nội dung phiên họp.

2. Thành viên UBND có trách nhiệm tham dự đầy đủ các phiên họp UBND, nếu vắng mặt phải báo cáo và được Chủ tịch UBND đồng ý.

3. Phiên họp UBND chỉ được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên UBND tham dự.

4. Chương trình, thời gian họp và các tài liệu trình tại phiên họp phải được gửi đến các thành viên UBND chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày bắt đầu phiên họp thường kỳ và chậm nhất là 01 ngày trước ngày bắt đầu phiên họp bất thường.

Điều 13. Trách nhiệm chủ tọa phiên họp Ủy ban nhân dân

1. Chủ tịch UBND chủ tọa phiên họp UBND, bảo đảm thực hiện chương trình phiên họp và những quy định về phiên họp. Khi Chủ tịch UBND vắng mặt, Phó Chủ tịch UBND được Chủ tịch UBND phân công chủ tọa phiên họp.

2. Chủ tịch UBND hoặc Phó Chủ tịch UBND theo phân công của Chủ tịch UBND chủ trì việc thảo luận từng nội dung trình tại phiên họp UBND.

Điều 14. Khách mời tham dự phiên họp Ủy ban nhân dân

1. Đại diện Thường trực HĐND được mời tham dự phiên họp UBND cùng cấp.

2. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương, đại diện các Ban của HĐND, đại diện các tổ chức, đơn vị được mời tham dự phiên họp UBND khi bàn về các vấn đề có liên quan.

Điều 15. Biểu quyết tại phiên họp Ủy ban nhân dân

1. UBND quyết định các vấn đề tại phiên họp bằng hình thức biểu quyết. Thành viên UBND có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết.

2. UBND quyết định áp dụng một trong các hình thức biểu quyết sau đây:

a) Biểu quyết công khai;

b) Bỏ phiếu kín.

3. Quyết định của UBND phải được quá nửa tổng số thành viên Ủy ban nhân dân biểu quyết tán thành. Trường hợp số tán thành và số không tán thành ngang nhau thì quyết định theo ý kiến biểu quyết của Chủ tịch UBND.

Điều 16. Biểu quyết bằng hình thức gửi phiếu ghi ý kiến

1. Đối với một số vấn đề do yêu cầu cấp bách hoặc không nhất thiết phải tổ chức thảo luận, biểu quyết tại phiên họp UBND, Chủ tịch UBND quyết định việc biểu quyết của thành viên UBND bằng hình thức gửi phiếu ghi ý kiến. Việc biểu quyết bằng hình thức phiếu ghi ý kiến thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương.

2. Chủ tịch UBND thông báo kết quả biểu quyết bằng hình thức gửi phiếu ghi ý kiến tại phiên họp UBND gần nhất.

Điều 17. Biên bản phiên họp Ủy ban nhân dân

Các phiên họp UBND phải được lập thành biên bản. Biên bản phải ghi đầy đủ nội dung các ý kiến phát biểu và diễn biến của phiên họp, ý kiến kết luận của chủ tọa phiên họp hoặc kết quả biểu quyết.

Điều 18. Thông tin về kết quả phiên họp Ủy ban nhân dân

Kết quả phiên họp UBND phải được thông báo kịp thời đến các thành viên UBND, Thường trực Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội; và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan.

Điều 19. Tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại giữa UBND phường với Nhân dân

Hàng năm, UBND phường có trách nhiệm tổ chức ít nhất một lần hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân ở địa phương về tình hình hoạt động của UBND và những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân ở địa phương; UBND thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo đến Trưởng khu phố về thời gian, địa điểm, nội dung của hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân chậm nhất là 07 ngày trước ngày tổ chức hội nghị.

Điều 20. Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân

1. Hàng tuần, Chủ tịch UBND phường bố trí ít nhất một buổi để tiếp dân, lịch tiếp dân phải được công bố công khai để nhân dân biết. Chủ tịch và các thành viên khác của UBND phải luôn có ý thức lắng nghe ý kiến phản ánh, giải quyết kịp thời hoặc hướng dẫn công dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

UBND phường phối hợp với các đoàn thể có liên quan, chỉ đạo cán bộ, công chức tổ chức việc tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân theo thẩm quyền; không đùn đẩy trách nhiệm lên cấp trên. Những thủ tục hành chính liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân phải được giải quyết nhanh chóng theo quy định của pháp luật. Đối với những vụ việc vượt quá thẩm quyền, phải hướng dẫn chu đáo, tỉ mỉ để công dân đến đúng cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận giải quyết.

Trưởng khu phố có trách nhiệm nắm vững tình hình an ninh trật tự, những thắc mắc, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, chủ động giải quyết hoặc đề xuất với UBND phường kịp thời giải quyết, không để tồn đọng kéo dài.

2. Cán bộ, công chức phụ trách từng lĩnh vực công tác của UBND phường chịu trách nhiệm giúp Chủ tịch UBND tiếp công dân; tiếp nhận, phân loại, chuyển kịp thời đến bộ phận, cơ quan có trách nhiệm giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

Chương V

QUẢN LÝ VÀ BAN HÀNH VĂN BẢN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN

Điều 21. Quản lý văn bản

1. Tất cả các loại văn bản đến, văn bản đi đều vào văn bản điện tử qua cán bộ văn thư của phường. Mọi văn bản đến vào sổ công văn và chuyển đến các địa chỉ, người có trách nhiệm giải quyết theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 về Công tác văn thư.

2. Đối với những văn bản phát hành của UBND và Chủ tịch UBND phường, cán bộ văn thư phải ghi đầy đủ ký hiệu, số văn bản, ngày, tháng, năm, đóng dấu và gửi theo đúng địa chỉ; đồng thời lưu giữ hồ sơ điện tử và bản gốc theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 về Công tác văn thư.

3. Các vấn đề về chủ trương, chính sách đã được quyết định trong phiên họp của UBND phường đều phải được cụ thể hoá bằng các quyết định, chỉ thị của UBND. Văn phòng - Thống kê phường hoặc cán bộ, công chức theo dõi lĩnh vực có trách nhiệm dự thảo, trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND ký ban hành chậm nhất là 05 ngày, kể từ ngày phiên họp kết thúc.

Điều 22. Soạn thảo và thông qua văn bản của UBND phường

1. Chủ tịch UBND phường phân công và chỉ đạo việc soạn thảo văn bản. Cán bộ, công chức theo dõi lĩnh vực nào thì chủ trì soạn thảo văn bản thuộc lĩnh vực đó, chịu trách nhiệm về nội dung và thể thức văn bản theo quy định; phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung dự thảo để hoàn chỉnh văn bản trình Chủ tịch UBND hoặc Phó Chủ tịch phụ trách xem xét, quyết định.

2. Đối với các quyết định, chỉ thị của UBND, căn cứ vào tính chất và nội dung của dự thảo, Chủ tịch UBND phường tổ chức việc lấy ý kiến của các cơ quan chức năng, các tổ chức, đoàn thể có liên quan và của nhân dân tại các khu phố, các khu dân cư để chỉnh lý dự thảo.

Tổ chức, cá nhân được phân công soạn thảo phải gửi tờ trình, dự thảo quyết định, chỉ thị, bản tổng hợp ý kiến góp ý và các tài liệu có liên quan đến các thành viên UBND chậm nhất là 03 ngày trước ngày họp UBND.

4. Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 23. Thẩm quyền ký văn bản

1. Chủ tịch UBND phường ký các văn bản trình UBND thị xã và HĐND phường; khi Chủ tịch vắng mặt, Chủ tịch ủy quyền cho Phó Chủ tịch ký thay. Phó Chủ tịch có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch biết về văn bản đã ký thay.

2. Phó Chủ tịch ký thay Chủ tịch các văn bản xử lý những vấn đề cụ thể, chỉ đạo chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực được Chủ tịch phân công.

Điều 24. Kiểm tra tình hình thực hiện văn bản

Chủ tịch UBND phường trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc kiểm tra tình hình thực hiện các văn bản pháp luật của các cơ quan nhà nước cấp trên, văn bản của HĐND và UBND phường, kịp thời phát hiện những vấn đề vướng mắc, bất hợp lý trong quá trình triển khai thực hiện các văn bản đó, báo cáo cấp có thẩm quyền bổ sung, sửa đổi.

Phó Chủ tịch, Ủy viên UBND phường, cán bộ và công chức phường, Trưởng khu phố theo nhiệm vụ được phân công phải thường xuyên sâu sát từng khu phố, hộ gia đình, kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước của mọi công dân trên địa bàn phường.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

1. Các thành viên UBND phường, cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách thuộc UBND phường; các ngành, cơ quan, đơn vị phối hợp, Trưởng khu phố chịu trách nhiệm thi hành Quy chế.

2. Văn phòng - Thống kê phường có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, đôn đốc các thành viên UBND phường, các ngành thực hiện Quy chế này.

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc, vấn đề chưa phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, các ngành, đơn vị phản ánh kịp thời với UBND phường. Văn phòng tổng hợp báo cáo UBND phường, Chủ tịch UBND phường để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.